

BÀI 4: NGƯỜI NẶN TÒ HE (tiết 15 – 20, SHS, tr.141 – 145)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một đồ chơi em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Đôi bàn tay khéo léo của bác Huấn tạo nên những món đồ chơi dân gian thật sinh động*; biết liên hệ bản thân: *kính trọng người lao động, yêu quý các sản phẩm họ làm ra*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *ng/ngh, s/x và uôc/uôt*.
4. Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp (từ ngữ chỉ người lao động, chỉ hoạt động lao động của người, chỉ vật dụng dùng khi lao động và nơi lao động); điền từ ngữ đúng, phù hợp vào chỗ trống.
5. Kể lại được truyện *Mẹ của Oanh* đã đọc.
6. Tả được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về nghề nghiệp.
8. Tham gia được trò chơi *Đoán nghề nghiệp qua hoạt động*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ viết đoạn từ *Thoắt cái đến sắc xanh* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh phóng to truyện *Mẹ của Oanh* (nếu có).
- Thẻ từ phân loại các nhóm từ về lao động.
- HS mang tới lớp một truyện về công việc, nghề nghiệp đã đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn cách em tự làm một đồ chơi hoặc giới thiệu một đồ chơi em thích.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Người nặn tò he*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của bác Huân khi làm tò he, từ ngữ tả những con tò he. Câu cuối giọng vui, thể hiện tình cảm và niềm tự hào với công việc của bác Huân.)
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nhuộm màu, vắt bột, nhỏ nôi, lá riêng, mẹt, chum chim, lựu, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Thỉnh thoảng, / bác Huân nặn riêng cho tôi / một chú lính áo vàng, áo đỏ / hay vài anh chim bói cá / lập lánh sắc xanh. //; Tôi cứ thế mê mẩn ngắm / cả thế giới đồ chơi / mở ra trước mắt / và càng thấy yêu hơn / đôi bàn tay của bác hàng xóm thân thương. //; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *hàng xóm* (người ở cùng một xóm), *vắt bột* (lượng bột được vắt thành nắm nhỏ), *chắt* (lấy riêng ra ít chất lỏng ở trong hỗn hợp có ít chất lỏng), *nhỏ nôi* (cây nhỏ thuộc họ cúc, mọc hoang, thân có nhiều lông, hoa trắng, lá dùng làm thuốc), *chen chúc* (chen nhau lộn xộn), *mê mẩn* (say sưa thích thú đến mức như không còn biết gì cả),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Đôi bàn tay khéo léo của bác Huân tạo nên những món đồ chơi dân gian thật sinh động.*
- HS liên hệ bản thân: *kính trọng người lao động, yêu quý các sản phẩm họ làm ra.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thoắt cái đến sắc xanh*.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Thoắt cái đến sắc xanh*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *vãn, gào thét, từng con, lặn hụp, chỉ huy,...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dữ, gió, giữa*.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ng/ ngh

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS tìm trong bài viết và ngoài những từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *ng/ngh*, viết vào VBT.
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt s/x và uôc/uôt

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), đọc gợi ý.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm từ ngữ bắt đầu bằng *s/x* và từ ngữ chứa vần *uôc/uôt* phù hợp với yêu cầu.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát và đọc từ, chọn từ xếp vào từng nhóm.

(Đáp án: a. công nhân – nông dân – bác sĩ, b. cày ruộng – lái tàu – khám bệnh, c. máy khoan – máy cày – ống nghe, d. công trường – bệnh viện – đồng ruộng)

- HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp vào từng nhóm.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS tìm thêm một số từ ngữ thuộc mỗi nhóm.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS lựa chọn từ ngữ theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền từ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện *Mẹ của Oanh*

HS đọc lại truyện *Mẹ của Oanh* để nhớ lại nội dung truyện: nhân vật, sự việc,...

5.2. Sắp xếp các tranh theo đúng trình tự sự việc

- HS quan sát từng tranh, nói về nội dung từng tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để sắp xếp các tranh theo đúng trình tự sự việc trong truyện.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh

- HS quan sát tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- HS sử dụng tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập tả đồ vật quen thuộc

6.1. Nói về một đồ chơi em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và gợi ý.
- HS nói 4 – 5 câu về món đồ chơi của em trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về một đồ chơi em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết nội dung vừa nói vào VBT. Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã học về nghề nghiệp

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, thông tin em thích, lí do em thích và chọn câu văn nói về công việc, nghề nghiệp của nhân vật.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tác giả, câu văn hay và thông tin em thích.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Đ đoán nghề nghiệp qua hoạt động

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS làm quản trò thực hiện hoạt động gắn với một nghề nghiệp cho HS cả lớp đoán tên. HS đoán được tên nghề nghiệp sẽ tiếp tục làm quản trò.
- HS chơi trò chơi và ghi nhớ được những hoạt động chính của một số nghề nghiệp.